

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 03/01/2025
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Bà Trần Thị Chọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 2005

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ C, ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị E**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ C, ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:* Chị Đ và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đến ngày 22/11/2023 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung và mẹ chồng khó khăn, hà khắc trong đời sống hàng ngày, vợ chồng chị sống phụ thuộc kinh tế vào cha mẹ chồng trong chi tiêu mẹ chồng quản lý, kiểm soát mọi khoản. Bản thân chị không có tiền để chi sai cá nhân, chồng chị nghe lời cha mẹ dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 24/01/2024 cho đến nay. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: anh chị có 01 người tên Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023, giới tính nam hiện con đang sống với chị Đ. Hiện nay con còn nhỏ và từ trước đến nay con do chị trực tiếp chăm sóc, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Chí D. Do con còn nhỏ chị phải trực tiếp chăm sóc, thời gian rảnh thì phụ giúp cha mẹ làm ruộng, thu nhập không nhiều nên yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau ly hôn. Hiện nay chi phí để nuôi con hàng tháng từ 2,5 - 3 triệu đồng. Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bên chồng có cho vợ chồng 17 chỉ vàng 24k cụ thể: 01 sợi dây chuyền hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 lắc tay hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn hoa mai 02 chỉ vàng 24k; 01 cặp nhẫn cưới 1,2 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông tai hoa mai 01 chỉ vàng 18k; 01 vòng trơn hình hoa mai 05 chỉ 24k, tất cả số vàng trên do mẹ chồng là bà Phan Thị E đang giữ. Nếu bà E xác định chị chỉ nhận giữ của chị 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k và đã giao lại số vàng cho anh T, thì chị Đ thống nhất. Vì khi gửi vàng chị không có giấy tờ gì chứng minh. Nay chị Đ yêu cầu chia đôi số vàng là tài sản chung của vợ chồng. Chị nhận 06 chỉ vàng trong đó 05 chỉ vàng 24 k loại 98% và 01 chỉ vàng 18 k, số còn lại giao cho anh T quản lý sử dụng. Anh T phải giao lại số vàng trên cho chị. Rút yêu cầu buộc

bà E trả lại số vàng là tài sản chung cho anh chị vì hiện nay số tài sản trên anh T đang quản lý.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Đ trình bày. Vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, mà sau khi vợ về bên nhà cha mẹ vợ từ ngày 24/12/2023 à sau đó ở bên cha mẹ vợ cho đến hôm nay. Mặc dù gia đình anh có hàn gắn nhưng chị Đ vẫn không quay về. Nếu chị Đ cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023, giới tính nam hiện con đang sống với chị Đ. Anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Chí D cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Đ. Vì hiện nay anh sống phụ thuộc vào cha mẹ, không có kinh tế ổn định thu nhập hàng tháng chưa đến 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bên anh có cho vợ chồng 12 chỉ vàng: 01 sợi dây chuyền hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 lắc tay hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông tai hoa mai 01 chỉ vàng 18k hiện anh đang quản lý, anh T đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T xác định do trước đây vợ ly hôn ông hoảng loạn nên quên xác định không đúng về số tài sản trên. Thực tế số tài sản chung vợ chồng có gồm 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k, khi vợ mang thai và sinh nở anh đã bán 04 chỉ vàng 24k để lo cho đến khi vợ sinh xong, đồng thời trong thời gian vợ và con về bên nhà cha mẹ vợ, anh buồn nên đã bán 02 chỉ vàng 24k để đi nhậu với bạn bè. Nay còn lại 04 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Anh T thống nhất chia và giao lại cho chị Đ 02 chỉ vàng 24k loại 98% và 1,5 chỉ vàng 18k (trong đó Đ1 bông 01 chỉ vàng 18k anh giao cho vợ quản lý sử dụng không chia), phần anh được nhận 02 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị E trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông T. Sau ngày chị Đ và ông T tổ chức đám cưới thì vợ chồng Đ có đưa cho bà giữ dùm số vàng cưới gồm 10 chỉ vàng 24k loại 98% và 02 chỉ vàng 18k trong đó gồm 01 sợi dây chuyền hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 lắc tay hoa mai 05 chỉ vàng 24k; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k; 01 đôi bông tai hoa mai 01 chỉ vàng 18k, khi chị Đ mang thai thì bà đã đưa số vàng lại cho anh T giữ,

khi đưa lại cho T thì Đ không biết. Nay bà xác định bà không còn giữ số vàng là tài sản chung của vợ chồng Tình Đ2, nên bà không đồng ý với yêu cầu của chị Đ2, yêu cầu bà trả số vàng trên cho chị Đ2, anh T.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T chị Đ. Giao Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023 giới tính nam, cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, hiện nay con đang sống chung với chị Đ. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/8/2024 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh T được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Nếu đến thời gian cấp dưỡng, anh T vi phạm nghĩa vụ về cấp dưỡng, chị Đ có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự buộc anh T phải giao số tiền cấp dưỡng và còn phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền cấp dưỡng chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ về việc chia tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 24k loại 98%, 02 chỉ vàng 18k, hiện anh T đang quản lý.

Buộc anh Nguyễn Văn T giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ 05 chỉ vàng 24k loại 98% và 1,5 chỉ vàng 18k. Giao cho anh Nguyễn Văn T 05 chỉ vàng 24k loại 98% và 0,5 chỉ vàng 18k. Số vàng hiện do anh T đang quản lý.

4. Về nợ chung: Chị Đ, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- **Ngày 04 tháng 9 năm 2024**, bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu giải quyết:

Về mức cấp dưỡng: Do thu nhập của anh T không ổn định nên đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Hiện tại vợ chồng còn 04 chỉ vàng 24 nên yêu cầu chia đôi, anh và chị Đ mỗi người nhận 02 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo - Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Rút yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 chỉ vàng 24 k cho chị Đ.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn đối với Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023 giới tính nam, anh T đồng ý 1.500.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Chí D đủ tuổi thành niên.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: không có ý kiến việc anh T rút yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn đối với Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023 giới tính nam, chị Đ thống nhất chấp nhận anh T cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Chí D đủ tuổi thành niên.

- Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Bà E không có ý kiến khác, thống nhất theo trình bày của anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo anh Nguyễn Văn T về mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Đình chỉ một phần kháng cáo của anh T về chia tài sản chung do anh T rút yêu cầu kháng cáo. Ghi nhận thỏa thuận giữ anh T chị Đ mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ ngày 03/01/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh T, tại phiên tòa phúc thẩm anh T rút kháng cáo phần chia 05 chỉ vàng 24 k là tài sản chung vợ chồng, chấp nhận theo quyết định bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Căn cứ Điều 295, khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo chia lại tài sản chung của anh T.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm anh T và chị Đ thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn đối với cháu

Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023. Mỗi tháng anh T cấp dưỡng cho cháu D 1.500.000đ tính từ ngày bản án có hiệu lực (03/01/2025) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét thấy thỏa thuận trên của anh T chị Đ là tự nguyện không vi phạm điều cấm của Luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận thỏa thuận trên của đương sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Anh T không phải phí phúc thẩm, hoàn trả anh T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, Điều 295, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 ; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

- Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung: Xác định anh T chị Đ có 01 người con chung là Nguyễn Chí D sinh ngày 08/10/2023 giới tính nam. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh T chị Đ. Giao cháu Nguyễn Chí D, sinh ngày 08/10/2023 cho chị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 03/01/2025 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ về việc chia 1/2 tài sản chung 10 chỉ vàng 24k loại 98%, 02 chỉ vàng 18k.

Buộc anh Nguyễn Văn T giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ 05 chỉ vàng 24k loại 98% và 1,5 chỉ vàng 18k (anh Tình tự N giao chia chị Đ 1,5 chỉ vàng 18K gồm đôi bông tai và chiếc nhẫn cưới). Chia cho anh Nguyễn Văn T 05 chỉ vàng 24k loại 98% và 0,5 chỉ vàng 18k số vàng hiện do anh T đang quản lý.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu bà Phan Thị E trả lại cho vợ chồng bà số vàng chung bên chồng cho trong ngày cưới.

5. Về nợ chung: Chị Đ, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T chịu 75.000 đồng, chị Đ chịu 75.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng anh T phải chịu.

Án phí chia tài sản chung: anh T chịu 2.015.000 đồng; chị Đ chịu 2.295.000 đồng.

Tổng tiền án phí ông T phải chịu là 2.390.000 đồng.

Tổng tiền án phí bà Đ phải chịu là 2.370.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 1.955.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002242 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị Đ phải nộp thêm 415.000 đồng.

Án phí phúc thẩm : Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002280 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương